

CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM



Ảnh: Dorsati Madani, Ngân hàng Thế giới

CÓ GÌ MỚI?

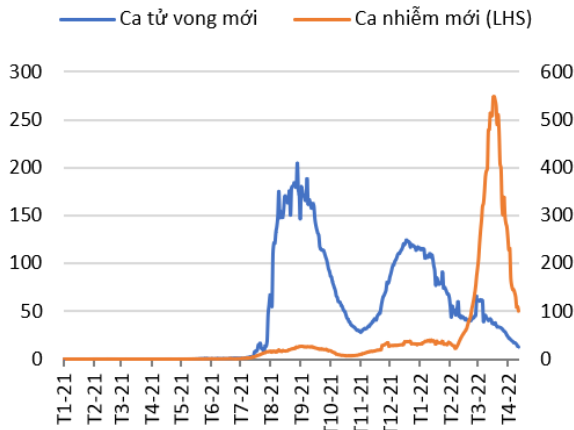
- Đợt lây nhiễm mạnh COVID-19 chủng OMICRON có thể đã đạt đỉnh mặc dù xu hướng tăng xét nghiệm tại nhà có thể khiến cho tổng số ca nhiễm không được thống kê đầy đủ.
- GDP quý I/2022 tăng trưởng 5,0% so với cùng kỳ năm trước nhờ công nghiệp chế biến, chế tạo định hướng xuất khẩu đạt kết quả vững chắc và lĩnh vực dịch vụ đang phục hồi. Tình hình thị trường lao động cũng đã cải thiện nhưng chưa phục hồi hoàn toàn về các mức cùng kỳ năm trước.
- Sản xuất công nghiệp duy trì kết quả vững chắc trong tháng 3, tăng trưởng 8,5% (so cùng kỳ năm trước), trong khi tăng trưởng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng tốc lên 9,4% - một trong những kết quả tốt nhất trong hai năm qua - nhờ doanh thu bán lẻ hàng hóa được đẩy mạnh.
- Cán cân thương mại hàng hóa ghi nhận thặng dư 1,4 tỷ USD trong tháng 3 trong khi vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký và giải ngân vẫn đứng vững trong bối cảnh bất định toàn cầu liên quan đến việc Nga xâm chiếm U-crai-na.
- Giá năng lượng tăng cao và nhu cầu trong nước đang phục hồi khiến cho lạm phát CPI (so cùng kỳ năm trước) trong tháng 3 bật tăng lên 2,4% từ mức 1,4% trong tháng 2. Giá nhiên liệu và hàng hóa thế giới tăng làm tăng chỉ số giá sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo trong khi tỷ giá thương mại tiếp tục xấu đi trong quý I.
- Tỷ lệ dư nợ tín dụng trên tổng tiền gửi tăng, cho thấy dấu hiệu thắt chặt điều kiện tài chính trong nước. Lãi suất qua đêm liên ngân hàng ở mức 2,08% vào cuối tháng 3, tăng 1,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.
- Ngân sách Nhà nước tiếp tục bội thu nhờ kết quả thu đảm bảo trong khi tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư công chậm.
- Giá tiêu dùng và sản xuất tăng đặt ra yêu cầu cần theo dõi chặt chẽ diễn biến giá cả trong nước vì lạm phát tăng sẽ ảnh hưởng đến quá trình phục hồi tiêu dùng trong nước và tăng trưởng kinh tế. Giá nhập khẩu cao hơn cùng với giá hàng hóa trung gian và giá sản xuất tăng liên tục trong 3 quý gần đây có thể làm tăng giá tiêu dùng, đặc biệt là giá lương thực, thực phẩm. Trong ngắn hạn, cần có các biện pháp can thiệp chính sách có mục tiêu để loại bỏ tác động của giá cả tăng đối với người dân, đặc biệt là đối với những nhóm dễ bị tổn thương nhất. Chính sách giảm thuế đối với xăng dầu được các cấp có thẩm quyền ban hành gần đây là một biện pháp trong ngắn hạn như vậy. Trong trung hạn, xây dựng hệ thống đảm bảo xã hội có mục tiêu, hiệu quả và có khả năng ứng phó tốt hơn sẽ giúp tăng cường khả năng chống chịu với các cú sốc bên ngoài như cú sốc tăng giá hàng hóa thế giới hiện nay. Nếu tình trạng tăng giá kéo dài, nền kinh tế sẽ cần phải điều chỉnh và thích nghi với sự thay đổi giá cả. Các cấp có thẩm quyền cũng nên cân nhắc những cải cách mang tính cấu trúc để nâng cao năng suất của nền kinh tế và tăng tổng cung. Các biện pháp này bao gồm giảm thuế đối với các hoạt động đầu tư sản xuất và đổi mới sáng tạo, giảm rào cản trong môi trường kinh doanh, giảm chi phí logistics và đầu tư vào giáo dục và đào tạo kỹ thuật cho lực lượng lao động.

NHỮNG DIỄN BIẾN KINH TẾ GẦN ĐÂY

Số ca nhiễm COVID-19 được ghi nhận và số ca tử vong liên quan bắt đầu giảm trong tháng 3

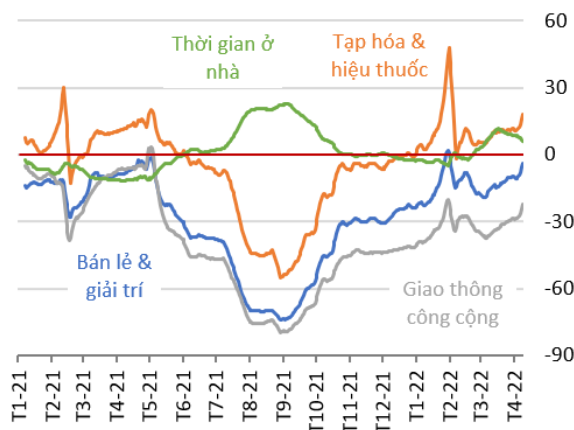
Đợt lây nhiễm mạnh chủng OMICRON trên cả nước trong hầu hết tháng 2 và đầu tháng 3 có vẻ đã đạt đỉnh vào giữa tháng 3 (Hình 1). Số ca nhiễm mới được ghi nhận giảm có thể một phần xuất phát từ thực tế ít xét nghiệm được ghi nhận chính thức hơn do người dân sử dụng bộ xét nghiệm nhanh tại nhà ngày càng nhiều hơn. Tính đến ngày 9/4, tổng số ca nhiễm được ghi nhận đạt 10,2 triệu ca và số ca tử vong là 42.794 ca. Khoảng 79% dân số đã được tiêm phòng COVID-19 đầy đủ và trên 46% đã được tiêm mũi bổ sung.

Hình 1: Số ca nhiễm và số ca tử vong mới
(Nghìn ca nhiễm mới, Bình quân động 7 ngày)



Xu hướng di chuyển bắt đầu phục hồi vào giữa tháng 3 khi số ca nhiễm chủng OMICRON giảm

Hình 2: Xu hướng di chuyển
(% thay đổi về đi lại so với số liệu đầu kỳ 03/01 - 06/02/2020, Bình quân động 7 ngày)

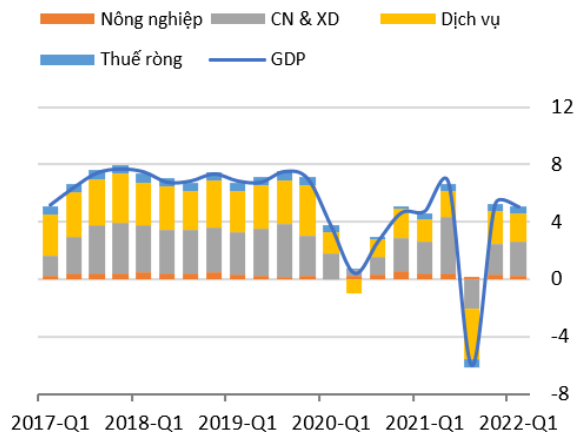


Sau khi giảm xuống trong tháng 2, số lượt khách đến các điểm bán lẻ và giải trí đã tăng trở lại từ giữa tháng 3, gần về mức được ghi nhận cùng kỳ năm trước. Số lượt đến các điểm giao thông công cộng cũng phục hồi nhưng với tốc độ chậm hơn, và vẫn thấp hơn so với tháng 3/2021. Đáng chú ý, thời gian ở nhà tăng và giảm trùng với xu hướng của đợt lây nhiễm chủng OMICRON do nhiều người bị nhiễm COVID-19 và phải tự cách ly tại nhà (Hình 2).

Tăng trưởng kinh tế được củng cố với sự hồi phục của các hoạt động kinh tế

GDP quý I/2022 tăng trưởng 5,0% (so cùng kỳ năm trước), tương đương với tốc độ tăng trưởng trong quý IV/2021, nhưng vẫn thấp hơn hai điểm phần trăm so với tốc độ trước đại dịch (Hình 3). Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng và lĩnh vực dịch vụ tăng trưởng lần lượt 6,4% và 4,6% (so cùng kỳ năm trước), đóng góp 4,3 điểm phần trăm cho tăng trưởng GDP của quý. Tăng trưởng của lĩnh vực công nghiệp và xây dựng đạt được nhờ nhu cầu mạnh mẽ đối với các sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo từ khu vực kinh tế đối ngoại, trong khi kết quả tăng trưởng của lĩnh vực dịch vụ không đồng đều giữa các ngành. Ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm, và ngành thông tin và truyền thông đã cho thấy khả năng chống chịu tốt trong hai năm qua và duy trì được tăng trưởng vững chắc. Mặt khác, ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống vẫn thấp hơn 1,8% so với cùng kỳ năm trước, và thấp hơn nhiều so với thời kỳ trước đại dịch.

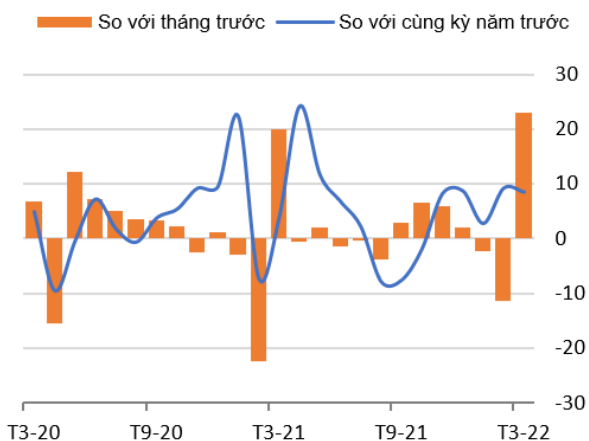
Hình 3: Đóng góp vào tăng trưởng GDP
(Điểm phần trăm, so cùng kỳ năm trước, NSA)



Sản xuất công nghiệp duy trì tăng trưởng vững chắc

Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,5% (so cùng kỳ năm trước) trong tháng 3, tương đương với mức trước đại dịch, nhờ nhu cầu trong nước đang phục hồi và nhu cầu vững chắc từ khu vực kinh tế đối ngoại (Hình 4). Các ngành năng động nhất bao gồm máy móc, thiết bị, điện tử, may mặc, giày da, và đồ uống, đều đạt tốc độ tăng trưởng hai con số. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm từ 54,3 (mức cao nhất trong 10 tháng) trong tháng 2 xuống 51,7 trong tháng 3. Chỉ số PMI giảm có thể liên quan nhiều đến thiếu hụt lao động do ảnh hưởng của đợt lây nhiễm chủng OMICRON hơn là áp lực lạm phát và gia tăng tính bất định xuất phát từ chiến tranh tại U-crai-na. Mặc dù vậy, chỉ số PMI vẫn cao hơn mốc 50, nghĩa là điều kiện sản xuất kinh doanh vẫn khả quan.

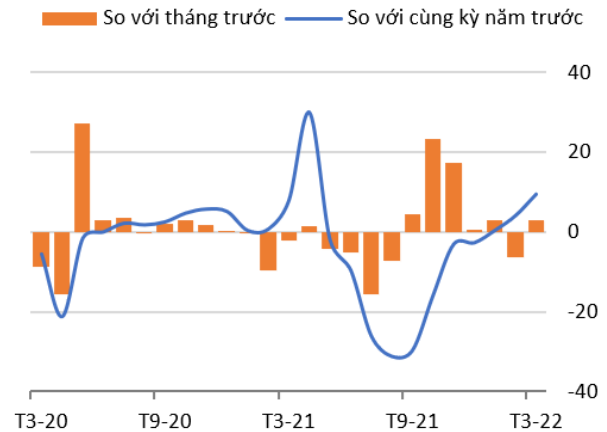
Hình 4: Chỉ số sản xuất công nghiệp
(%, NSA)



Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng phục hồi mạnh mẽ

Tăng trưởng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng tốc từ 4,1% trong tháng 2 lên 9,4% (so cùng kỳ năm trước), tốc độ tăng trưởng cao thứ hai kể từ khi bắt đầu đại dịch COVID-19 (Hình 5). Sự phục hồi này một phần do các hoạt động kinh tế được khôi phục sau COVID và được dẫn dắt bởi tăng trưởng 10,7% (so cùng kỳ năm trước) của doanh thu bán lẻ hàng hóa. Ngược lại, doanh thu từ dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng chậm hơn với tốc độ 4,8% (so cùng kỳ năm trước) so với 7,5% (so cùng kỳ năm trước) trong tháng 2/2022, phản ánh tăng trưởng chững lại của doanh thu từ dịch vụ lưu trú và ăn uống liên quan đến số ca nhiễm COVID-19 tăng vọt trong thời gian qua.

Hình 5: Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng
(%, NSA)

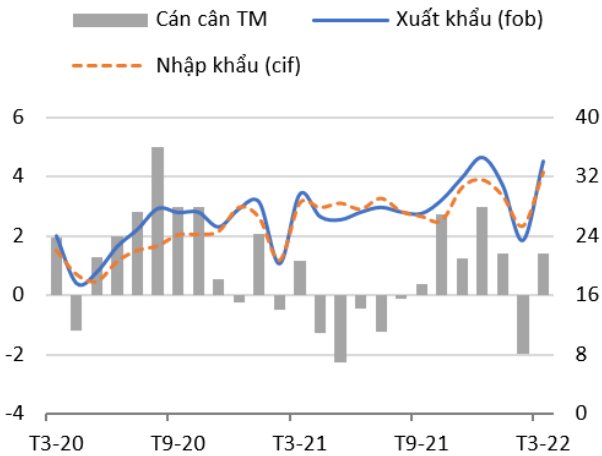


Cán cân thương mại hàng hóa đạt thặng dư 1,4 tỷ USD

Xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa tăng lần lượt 14,8% và 14,6% (so cùng kỳ năm trước) (Hình 6). Tăng trưởng trên một phần phản ánh giá hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu tăng do giá cả hàng hóa thế giới tăng vọt và gián đoạn chuỗi cung ứng do đại dịch COVID-19 và các vấn đề này càng bị trầm trọng hơn bởi chiến tranh tại U-crai-na. Kim ngạch xuất khẩu dệt may và giày da, và máy tính và điện tử được duy trì mạnh mẽ, tăng lần lượt 13,9% và 13,5% (so cùng kỳ năm trước) trong tháng 3, tương đương với tốc độ tăng trong tháng 2. Ngược lại, tăng trưởng xuất khẩu máy móc, thiết bị chỉ đạt 3,9% (so cùng kỳ năm trước), mức thấp nhất trong hai năm qua, do xuất khẩu sang Hoa Kỳ giảm 3,6%. Kim ngạch nhập khẩu điện thoại, máy tính và điện tử tăng trên 30% (so cùng kỳ năm trước) đóng góp đáng kể cho tăng trưởng nhập khẩu. Kim ngạch nhập khẩu dầu thô và xăng dầu trong tháng 3 tăng gấp ba lần so với cùng kỳ năm trước do giá dầu tăng vọt. Theo đối tác thương mại, tăng trưởng xuất khẩu sang Hoa Kỳ và Trung Quốc vẫn cao, lần lượt ở mức 15,9% và 22,3% (so cùng kỳ năm trước) trong khi xuất khẩu sang EU giảm tốc, tăng trưởng 11,8% so với tốc độ 15,8% (so cùng kỳ năm trước) trong tháng 2, tiếp tục xu hướng đi xuống từ tháng 12/2021.

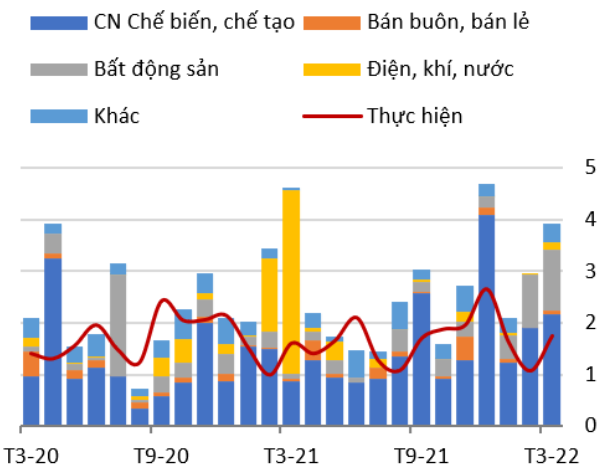
Cán cân thương mại dịch vụ tiếp tục ghi nhận thâm hụt đáng kể ở mức 4,1 tỷ USD trong quý I/2022 do doanh thu từ du lịch quốc tế, cấu phần chính trong xuất khẩu dịch vụ, chưa đáng kể khi mà biên giới quốc tế mới được mở cửa trở lại từ giữa tháng 3/2022. Nhập khẩu dịch vụ đã đạt mức trước đại dịch nhờ tăng nhập khẩu các dịch vụ vận tải và bảo hiểm.

Hình 6: Thương mại hàng hóa
(Tỷ USD, NSA)



Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký và thực hiện đứng vững bất chấp bất ổn toàn cầu liên quan đến việc Nga xâm chiếm U-crai-na

Hình 7: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)
(Tỷ USD, NSA)



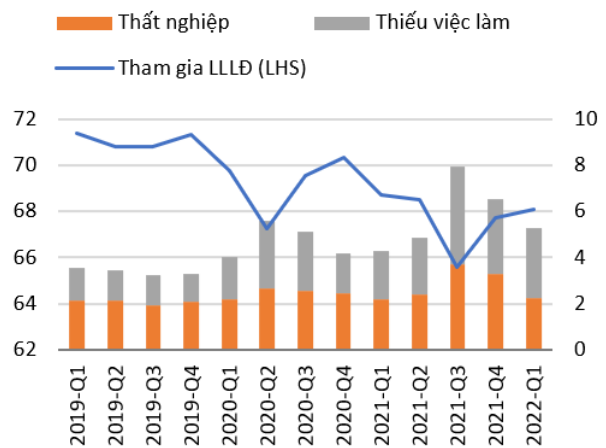
Vốn FDI đăng ký đạt 3,9 tỷ USD trong tháng 3/2022, tăng 35,2% so với tháng trước, nhưng thấp hơn 15,2% so với một năm trước. Vốn đăng ký giảm so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do có một dự án điện khí hóa lòng quy mô lớn trị giá 3,1 tỷ USD được cấp phép trong tháng 3/2021 (Hình 7). Số lượng dự án FDI đăng ký mới trong tháng 3 tăng 28,7% (so cùng kỳ năm trước). Đây là diễn biến đầy hứa hẹn, cho thấy Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn FDI. Hai phần ba tổng số vốn đăng ký là đầu tư cơ sở sản xuất kinh doanh mới của các doanh nghiệp mới, bao gồm một dự án nhà máy sản xuất đồ chơi trị giá 1,3 tỷ USD. Hoạt động mua lại và sáp nhập (M&A) tiếp tục phục hồi sau khi giảm vào năm 2020 và 2021, với giá trị trong tháng 3 tăng gấp bốn lần so với cùng kỳ năm trước, ghi dấu chuỗi 6 tháng

tăng trưởng liên tiếp. Theo lĩnh vực, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là điểm đến hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài trong khi đầu tư vào bất động sản cho thấy dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ sau khi bị ảnh hưởng nghiêm trọng kể từ đại dịch. Đầu tư vào bất động sản đạt 1,2 tỷ USD trong tháng 3, và 2,7 tỷ USD trong 3 tháng đầu năm, vượt qua tổng vốn đăng ký vào lĩnh vực này trong cả năm 2021. Tỷ lệ giải ngân các dự án FDI đã được phê duyệt tăng 8,7% (so cùng kỳ năm trước) trong tháng 3, tháng tăng thứ 4 liên tiếp khi những hạn chế sau đợt phong tỏa liên quan đến COVID-19 nới lỏng.

Tình hình thị trường lao động tiếp tục cải thiện, nhưng chưa phục hồi hoàn toàn sau đợt phong tỏa quý III/2021

Số lao động có việc làm trong quý I/2022 tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn thấp hơn mức trước đại dịch. Tỷ lệ thất nghiệp giảm còn 2,2%, tương đương mức trước đại dịch. Mặc dù vậy, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động vẫn chưa đạt mức được ghi nhận cùng kỳ năm trước và tỷ lệ thiếu việc làm vẫn cao ở mức 3,0% (Hình 8). Thu nhập thực bình quân của lao động làm công hưởng lương hầu như đã phục hồi về mức hồi quý I/2021.

Hình 8: Thị trường lao động
(%, NSA)

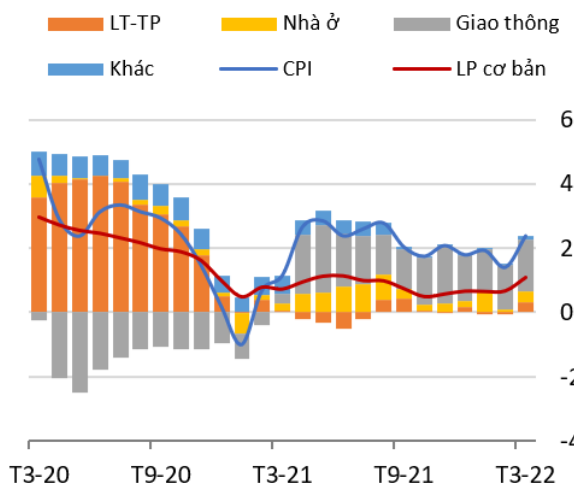


Tỷ lệ lạm phát nhích tăng, phản ánh giá nhiên liệu tăng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 tăng 2,4% (so cùng kỳ năm trước), so với mức tăng 1,4% trong tháng 2 (so cùng kỳ năm trước) (Hình 9). Đây là tỷ lệ lạm phát cao nhất trong 7 tháng qua, nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với mục tiêu 4,0%. Giá xăng dầu tăng 13,4% so với tháng trước và 56,1% so với cùng kỳ năm trước do giá dầu thế giới tăng vọt liên quan đến chiến tranh ở U-crai-na. Xăng dầu tiếp tục là

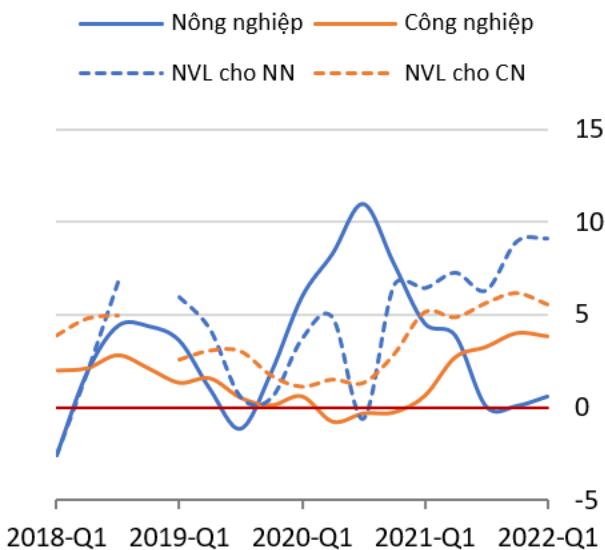
yếu tố chính đóng góp vào lạm phát thông qua làm tăng chỉ số giá nhóm giao thông. Giá lương thực, thực phẩm cũng nhích lên sau khi tương đối ổn định trong năm 2021. Lạm phát cơ bản, chỉ số giá tiêu dùng loại trừ các nhóm lương thực, thực phẩm, năng lượng và các mặt hàng do Nhà nước quản lý giá, tăng lên 1,1% (so cùng kỳ năm trước) từ mức 0,7% (so cùng kỳ năm trước) trong tháng 2, phản ánh cầu trong nước đang phục hồi và sự truyền dẫn của chi phí vận tải và giá hàng hóa tiêu dùng và hàng hóa trung gian nhập khẩu gia tăng.

Hình 9: Đóng góp cho lạm phát CPI
(% và điểm %, so cùng kỳ năm trước, NSA)



Chỉ số giá sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục tăng chủ yếu do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng

Hình 10: Chỉ số giá sản xuất
(%, so cùng kỳ năm trước, NSA)

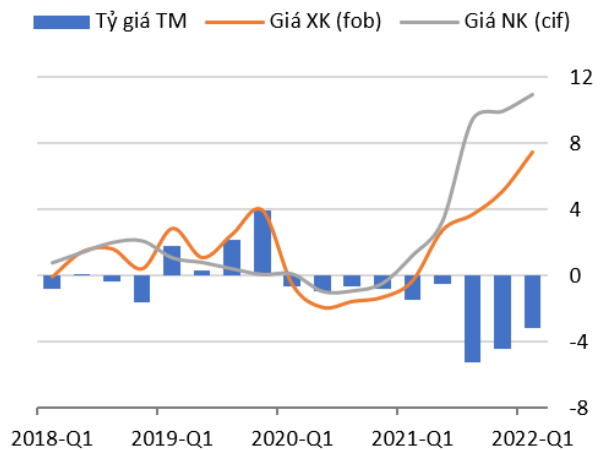


Chỉ số giá sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,8% (so cùng kỳ năm trước), phản ánh giá

nguyên vật liệu đầu vào tăng, với tốc độ tăng 5,5% (so cùng kỳ năm trước) trong quý I/2022 (Hình 10). Mặc dù giá đầu vào sản xuất nông nghiệp cũng tăng 9,1%, nhưng chỉ số giá sản xuất nông nghiệp vẫn được kiềm chế, chỉ tăng 0,6% (so cùng kỳ năm trước). Sự thiếu kết nối này xuất phát từ giá sản phẩm chăn nuôi lợn thấp hơn, giảm 26,3% (so cùng kỳ năm trước) một phần nhờ nguồn cung dồi dào và một phần do một số cơ sở sản xuất bán bớt đàn vì giá cả đầu vào tăng lên khiến cho sản xuất lợn không đem lại lợi nhuận. Do nhiều nguyên vật liệu dùng cho sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chế biến, chế tạo trong nước phải nhập khẩu nên giá các mặt hàng này tăng cao phản ánh xu hướng tăng giá hàng hóa và nguyên vật liệu trên thị trường thế giới.

Tỷ giá thương mại tiếp tục xấu đi trong quý I/2022

Hình 11: Tỷ giá thương mại
(%, so cùng kỳ năm trước, NSA)



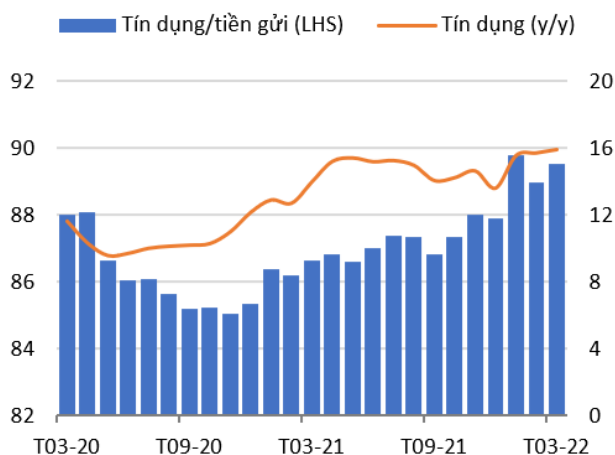
Tỷ giá thương mại, được đo lường bằng tỷ số của chỉ số giá xuất khẩu (FOB) trên chỉ số giá nhập khẩu (CIF) giảm 3,1% (so cùng kỳ năm trước) trong quý I/2022, sau khi giảm lần lượt 5,2% và 4,4% (so cùng kỳ năm trước) trong quý III và quý IV năm 2021 (Hình 11). Xu hướng này phản ánh sự phụ thuộc nhiều vào nguyên vật liệu nước ngoài và tính dễ bị tổn thương của Việt Nam khi giá cả hàng hóa thế giới và hàng hóa trung gian tăng cao, một xu hướng đã trở nên trầm trọng hơn do chiến tranh tại U-craina. Các sản phẩm nhập khẩu có giá tăng cao nhất gồm thép (tăng 43,9% so cùng kỳ năm trước), phân bón (tăng 42,7% so cùng kỳ năm trước), nhiên liệu (tăng 37,4% so cùng kỳ năm trước), và thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 27,7% so cùng kỳ năm trước). Do nhập khẩu được tính theo giá CIF nên tỷ giá thương mại xấu đi cũng thể hiện chi phí vận tải gia tăng, chiếm khoảng 2,5% kim ngạch nhập khẩu hàng hóa. Với tỷ giá thương mại tiếp tục xấu đi,

thặng dư thương mại hàng hóa giảm từ 2,9 tỷ USD trong quý I/2021 xuống còn 0,8 tỷ USD trong quý I/2022.

Tăng trưởng tín dụng vẫn ở mức cao

Tín dụng đối với nền kinh tế trong tháng 3 ước tăng trưởng khoảng 15,9% (so cùng kỳ năm trước), tốc độ cao nhất kể từ tháng 1/2018, thể hiện nhu cầu tín dụng mạnh mẽ để tài trợ cho sự phục hồi các hoạt động kinh tế (Hình 12). Sau khi tăng lên trong tháng 2 do thiếu thanh khoản, lãi suất qua đêm liên ngân hàng đã giảm về quanh mức 2,08% vào cuối tháng 3. Tuy nhiên, mức lãi suất này vẫn cao hơn 1,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước, cho thấy điều kiện tài chính đang thắt chặt trên thị trường trong nước. Thực tế, tỷ lệ dư nợ tín dụng trên tổng tiền gửi tăng từ 88% trong tháng 12/2021 lên khoảng 89,5% trong tháng 3, mức cao thứ hai trong hai năm qua. Tuy nhiên, lãi suất qua đêm liên ngân hàng vẫn thấp hơn lãi suất chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước, hiện đang ở mức 2,5%.

Hình 12: Tăng trưởng tín dụng
(%, NSA)



Ngân sách tiếp tục bội thu nhờ kết quả thu đảm bảo trong khi tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư công chậm

Cân đối ngân sách Nhà nước ghi nhận bội thu 600 triệu USD trong tháng 3. Thu ngân sách tăng 16,9% (so cùng kỳ năm trước) nhờ các hoạt động kinh tế phục hồi mạnh mẽ, trong khi chi ngân sách giảm 8,6% (so cùng kỳ năm trước) do giải ngân vốn đầu tư công chậm hơn. Trong quý I/2022, Chính phủ đã thu được một phần ba tổng dự toán thu và chi 19,7% tổng dự toán chi, dẫn đến bội thu 4,8 tỷ USD. Giải ngân đầu tư công chỉ đạt 11,7% dự toán được Quốc hội phê duyệt, thấp hơn so với cùng kỳ

năm trước. Thu ngân sách đạt kết quả vững chắc phản ánh thu từ dầu thô tăng 83,6% (so cùng kỳ năm trước), thuế trừ dầu thô tăng 7,1% (so cùng kỳ năm trước) và thu ngoài thuế tăng 38,3% (so cùng kỳ năm trước). Đặc biệt, thu từ thuế giá trị gia tăng (VAT) tăng 11,2% (so cùng kỳ năm trước), tương đương tốc độ tăng trước đại dịch nhờ nhu cầu trong nước đang phục hồi.

Để giảm nhẹ xu hướng tăng giá nhiên liệu trên thị trường trong nước, Chính phủ đã giảm 50% thuế suất thuế bảo vệ môi trường (BVMT) đối với xăng dầu, bắt đầu từ ngày 1/4 đến 31/12/2022. Chính sách này ước tính làm thu ngân sách giảm hơn 1,0 tỷ USD trong năm 2022. Thuế suất giảm dẫn đến giá mỗi lít xăng tại trạm xăng giảm 1040 đồng (khoảng 4,5 xu Mỹ).

Kho bạc Nhà nước phát hành trái phiếu Chính phủ bằng nội tệ với tổng giá trị tương đương 386 triệu USD trong tháng 3, nâng tổng giá trị trái phiếu phát hành lên khoảng 1,8 tỷ USD trong quý I, tương đương 10,3% kế hoạch. Toàn bộ trái phiếu đã phát hành đều có kỳ hạn dài (10 năm trở lên). Lợi suất trái phiếu Kho bạc kỳ hạn 10 năm trên thị trường sơ cấp tăng nhẹ lên 2,20% vào cuối tháng 3 từ mức 2,08% vào cuối năm 2021. Trên thị trường thứ cấp, lợi suất trái phiếu chính phủ có kỳ hạn từ 7 năm trở xuống đã tăng 80-115 điểm cơ bản tính từ đầu tháng 02, cho thấy điều kiện tài chính trong nước đang thắt chặt, phù hợp với xu hướng tăng mặt bằng lãi suất tiền gửi và lãi suất liên ngân hàng.

Cần theo dõi:

Giá tiêu dùng và giá sản xuất tăng đặt ra yêu cầu cần theo dõi chặt chẽ diễn biến giá cả trong nước vì lạm phát tăng sẽ ảnh hưởng đến quá trình phục hồi tiêu dùng trong nước và tăng trưởng kinh tế. Mặc dù giá tiêu dùng (CPI) tăng chậm trong năm 2021 một phần do tổng cầu yếu, nhưng sự gia tăng giá hàng hóa trung gian và giá sản xuất trong 3 quý gần đây có thể ảnh hưởng đến các quyết định sản xuất và làm tăng giá tiêu dùng, đặc biệt là giá lương thực, thực phẩm. Trong ngắn hạn, cần có biện pháp can thiệp chính sách có mục tiêu để loại bỏ tác động của giá cả tăng đối với người dân, đặc biệt là những nhóm dễ bị tổn thương. Chính sách tạm giảm thuế đối với xăng dầu mới được các cấp có thẩm quyền ban hành là một chính sách trong ngắn hạn như vậy mặc dù quyết định chọn giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu có thể không phản ánh đúng mục tiêu về môi trường của các cấp có thẩm

quyền. Trong trung hạn, các biện pháp khác bao gồm một hệ thống đảm bảo xã hội có mục tiêu, hiệu quả và có khả năng ứng phó tốt hơn, giúp xây dựng khả năng chống chịu trong nền kinh tế. Nếu tình trạng giá cả tăng kéo dài thì nên cho phép nền kinh tế điều chỉnh và thích nghi với thay đổi giá cả. Các cấp có thẩm quyền cũng nên cân nhắc có những cải cách mang tính cấu trúc để giúp nâng cao năng suất của nền kinh tế và tăng tổng cung. Các biện pháp có thể áp dụng bao gồm giảm thuế đối với các hoạt động đầu tư cho sản xuất và đổi mới sáng tạo, giảm rào cản trong môi trường kinh doanh, giảm chi phí logistics, và đầu tư vào giáo dục và đào tạo kỹ thuật cho lực lượng lao động.

Nguồn và ghi chú:

Toàn bộ dữ liệu lấy của Haver và nguồn lấy từ Tổng cục Thống kê (TCTK) Việt Nam, ngoại trừ: Số liệu thu chi ngân sách của Chính phủ (Bộ Tài chính), số liệu FDI (Bộ KH&ĐT); PMI (khảo sát của Nikkei và IHS Markit; Chỉ số nhà quản trị mua hàng lấy từ khảo sát 400 doanh nghiệp chế tạo chế biến, dựa trên năm chỉ số riêng lẻ về đơn đặt hàng, sản lượng, việc làm, thời gian

cung ứng hàng (và tồn kho các mặt hàng đã mua). Số liệu này được điều chỉnh theo mùa vụ. Chỉ số này nếu vượt 50 nghĩa là ngành chế tạo chế biến đang phát triển so với tháng trước; dưới 50 nghĩa là đang bị thu hẹp; còn 50 nghĩa là không thay đổi); số liệu về khu vực tài chính, bao gồm thông tin tín dụng (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; tăng trưởng tín dụng và tiền gửi trong tháng 12 năm 2021 và tháng 01 năm 2022 (do cán bộ Ngân hàng Thế giới tính toán dựa trên dữ liệu lấy từ báo chí trong nước); số liệu về ca nhiễm COVID-19 được khẳng định và liệu tiêm COVID-19 được thực hiện (Thế giới của chúng ta bằng dữ liệu), tình hình đi lại của cộng đồng (số liệu ban đầu lấy giá trị trung vị, cho ngày tương ứng của tuần đó, trong giai đoạn 5 tuần từ 03/01 - 06/02/2020, và thay đổi từng ngày được so với giá trị ban đầu trong ngày của tuần đó) (Google); Trái phiếu Kho bạc (Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam); tỷ giá thực hữu hiệu (REER) (Cơ sở dữ liệu theo dõi toàn cầu của Ngân hàng Thế giới), tỷ giá trên thị trường chính thức (Vietcombank).

SA= Điều chỉnh theo mùa vụ; NSA = Không điều chỉnh theo mùa vụ; LHS = Thang bên trái; FOB = giá giao lên tàu; CIF = Giá thành, bảo hiểm, cước phí